TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: *43/2018/HN - ST*
Ngày: *18 - 6 - 2018*
V/v tranh chấp *" Ly hôn "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLST - DS ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp " ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST - HN ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1962 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 85 tổ 7 khóm A, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 1982, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ vào năm 1990. Vợ chồng sống chung đến năm 1990 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn vợ chồng là do anh T thường xuyên uống rượu về quậy phá gia đình, chửi bới vợ con. Từ năm 2016 chị và anh T mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến nhau mặc dù vẫn sống chung cùng một mái nhà. Anh T uống rượu vào thường xuyên mắng chửi vợ con, làm

cho con cái học hành không được, anh T đã nhiều lần bị công an nơi cư trú xử phạt hành chính do hành vi quậy phá, chửi mắng vợ con. Chị đã nhiều lần cho cơ hội để anh T sửa đổi, cùng chăm lo gia đình, nhưng anh T vẫn không sửa đổi tính tình, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn. Vì vậy chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 06/9/1985 và Nguyễn Thụy Thảo P, sinh ngày 17/11/2001. Cháu L đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng Nguyễn Thụy Thảo P, không yêu cầu anh Tư cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Anh Nguyễn Văn T không có văn bản nêu ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn ", do bị đơn hiện đang cư trú tại thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 82, điểm 1 khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 06/4/2018, ngày 24/4/2018 và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 04/HT - 90 do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ cấp ngày 23/10/1990 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cùng các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; thể hiện anh Nguyễn Văn T đã nhiều lần có hành vi lăng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình, uống rượu bia gây mất trật tự đã bị chính quyền địa phương xử phạt hành chính nhiều lần nhưng vẫn không sửa đổi.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị T và anh T không còn gắn bó, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Xét, yêu cầu của chị T yêu cầu được nuôi cháu Thảo P, anh T không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu nuôi con của chị T, nguyên vọng của cháu P là muốn sống chung với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thụy Thảo P cho chị T nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thụy Thảo P, sinh ngày 17/11/2001 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Trần Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6.Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001316 ngày 01/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua, chị T không phải nộp thêm án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chị cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú